TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 864/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 825/2026/TLST/HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lương Hồng N, sinh năm: 2005;

CCCD số: 001305004xxx; cấp ngày: 07/05/2021; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Số 26/366/68 phố N, Tổ 26, phường B, thành phố Hà Nội

- Bị đơn: Anh Nguyễn Nhân T, sinh năm: 2004.

CCCD: 001204000xxx; cấp ngày: 12/08/2022; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Tổ 66, phường Đ, thành phố Hà Nội

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Lương Hồng N và anh Nguyễn Nhân T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung**: Anh T và chị N xác định có 01 con chung là Nguyễn Nhân V, sinh ngày 30/08/2023. Ly hôn anh chị thống nhất thoả thuận chị N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu V. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V của anh T đối với chị N cho đến khi cháu V trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

- **Về tài sản chung vợ chồng:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** chị Lương Hồng N tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tạm ứng án phí HN&GĐST ngày 04/8/2026 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0002992 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội nay chuyển thành án phí. Trả lại chị N số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- UBND phường Đ, thành phố Hà Nội (trước là UBND phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; theo GCNKH số 66/2024, ngày 10/5/2024);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Quang Trung

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).